

Chi tiết mã HS 9701.92.00

Mã HS	9701.92.00
Mô tả hàng hóa	Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép, tranh khảm và phù điêu trang trí tương tự / - Loại khác: / - - Tranh khảm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 03:14:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/97019200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19030
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19030
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19030
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18294
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18223
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18223
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18223
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18223
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18223
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18223
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18279
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18279

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18279
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18279
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18279
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18279
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18280
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18280
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18280
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18280
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18280
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18280
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18285
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18242
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18237
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18237
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18237
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18237
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18237
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18237
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18285
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18285
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18285
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18285
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18285
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18285
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18349
VCFTA	2023	2023	5	VC!E18349

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18349
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18349
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18349
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18349
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18323
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18323
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18323
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18323
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18323
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18323
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1087
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1087
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D18316
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E18316
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F18316
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G18316
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H18316
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18316
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18346
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18346
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18346
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18346
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18346
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18346
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18345
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18345

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18345
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18345
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18345
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18345
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18439
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18439
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18439
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18439
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18439
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18439
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18439
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18310
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18310
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18310
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18310
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18310
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18310
RCEP B	2022	2022	0	B!D18310
RCEP B	2023	2023	0	B!E18310
RCEP B	2024	2024	0	B!F18310
RCEP B	2025	2025	0	B!G18310
RCEP B	2026	2026	0	B!H18310
RCEP B	2027	2027	0	B!I18310
RCEP C	2022	2022	0	C!D18308
RCEP C	2023	2023	0	C!E18308
RCEP C	2024	2024	0	C!F18308

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G18308
RCEP C	2026	2026	0	C!H18308
RCEP C	2027	2027	0	C!I18308
RCEP D	2022	2022	0	D!D18307
RCEP D	2023	2023	0	D!E18307
RCEP D	2024	2024	0	D!F18307
RCEP D	2025	2025	0	D!G18307
RCEP D	2026	2026	0	D!H18307
RCEP D	2027	2027	0	D!I18307
RCEP E	2022	2022	0	E!D18312
RCEP E	2023	2023	0	E!E18312
RCEP E	2024	2024	0	E!F18312
RCEP E	2025	2025	0	E!G18312
RCEP E	2026	2026	0	E!H18312
RCEP E	2027	2027	0	E!I18312
RCEP F	2022	2022	0	F!D18310
RCEP F	2023	2023	0	F!E18310
RCEP F	2024	2024	0	F!F18310
RCEP F	2025	2025	0	F!G18310
RCEP F	2026	2026	0	F!H18310
RCEP F	2027	2027	0	F!I18310
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F17160
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G17160
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H17160
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I17160

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9701.92.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9701.92.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bằng tương quan mã cũ-mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9701.92.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9701.92.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19030), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.